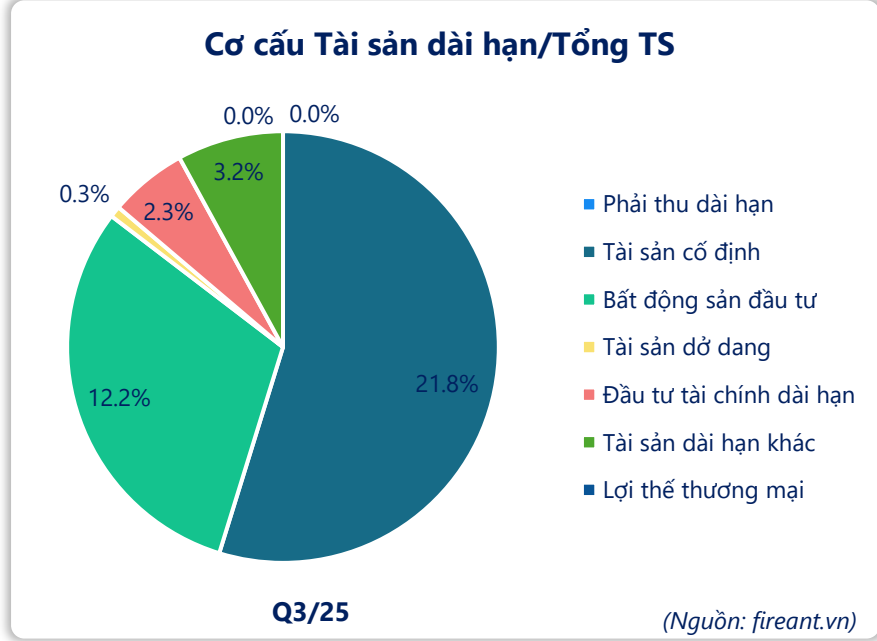
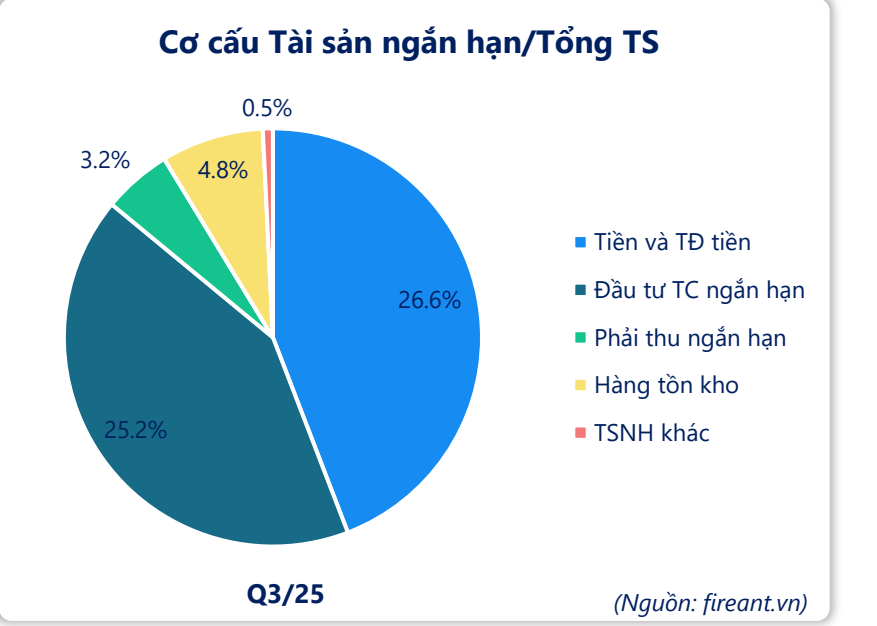
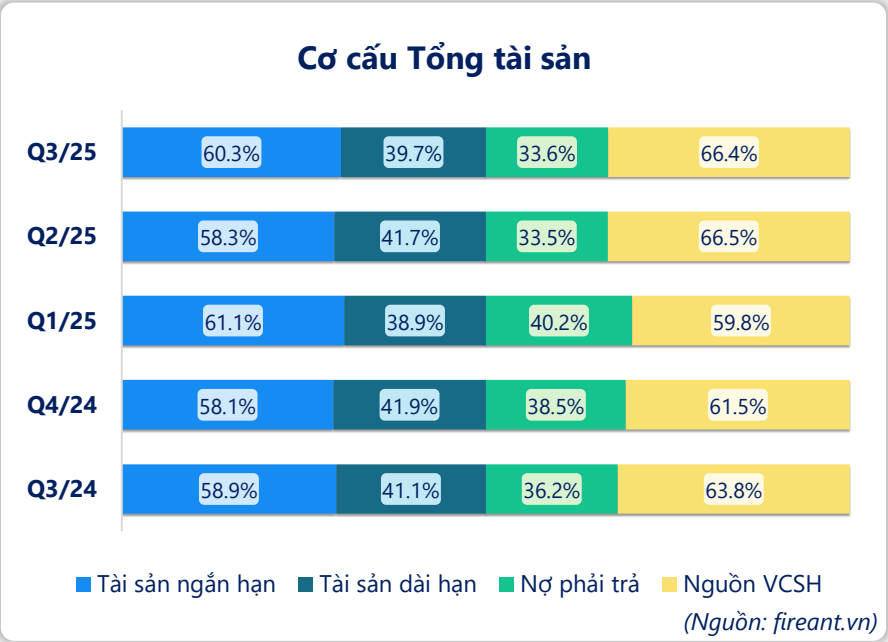
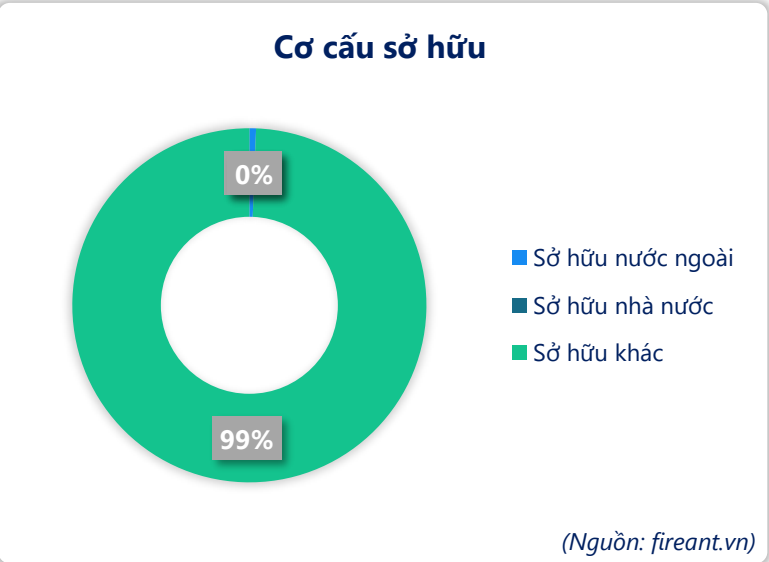
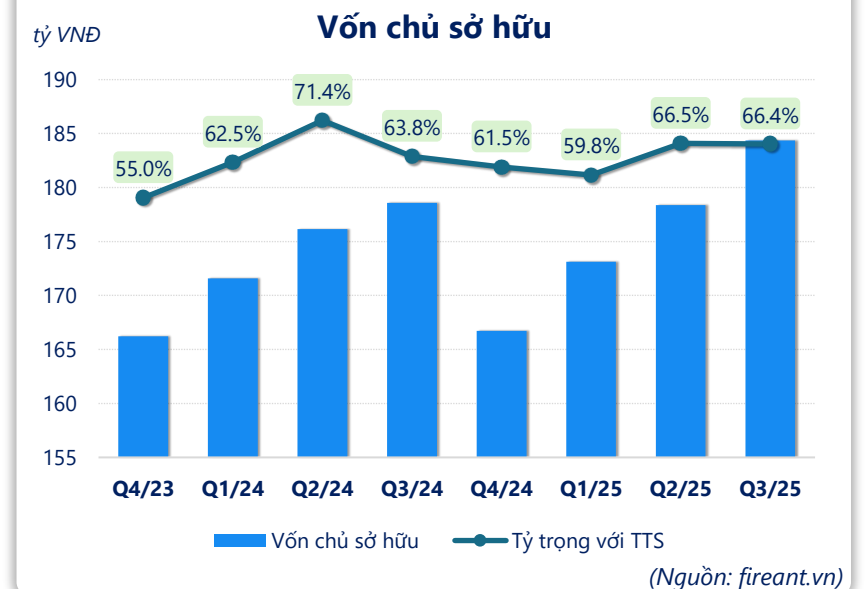
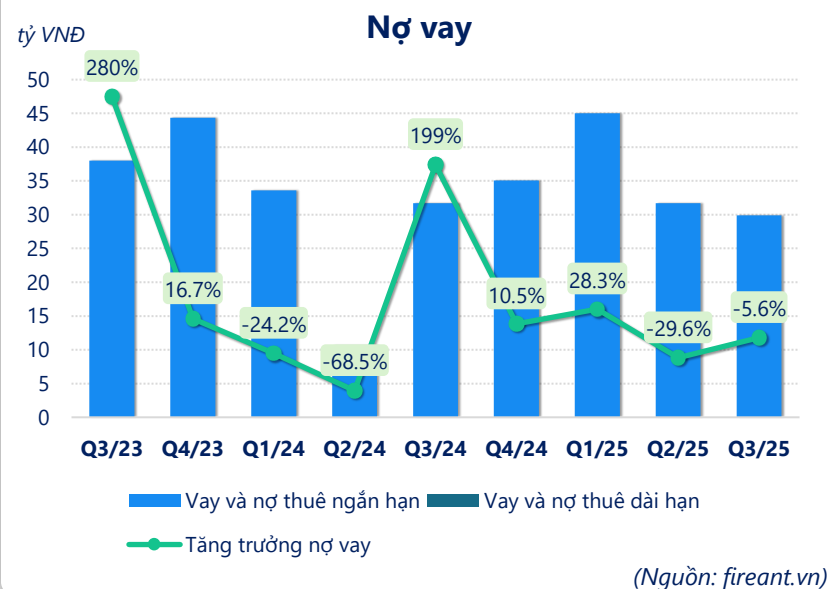
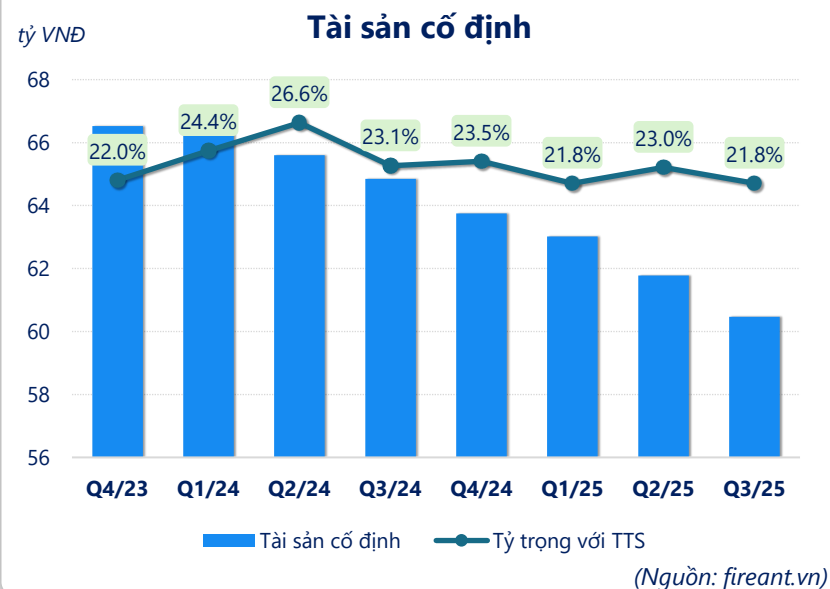
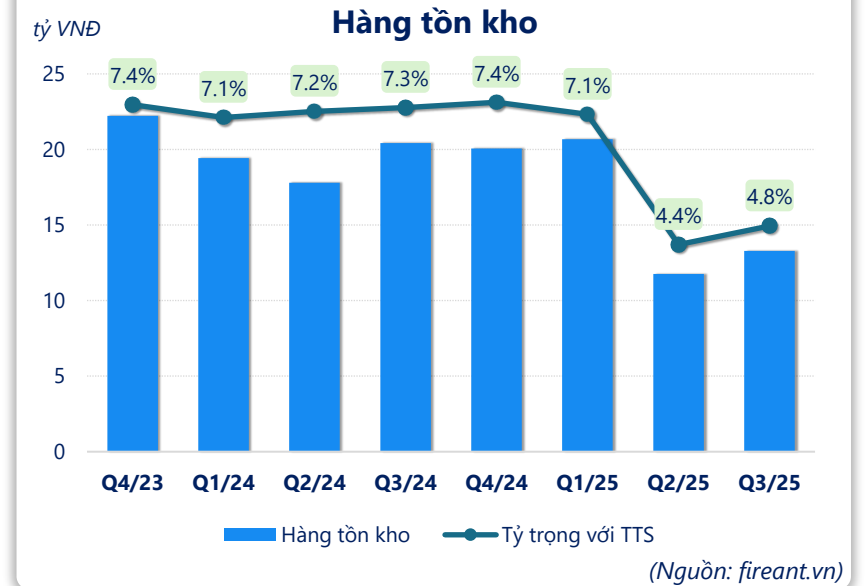
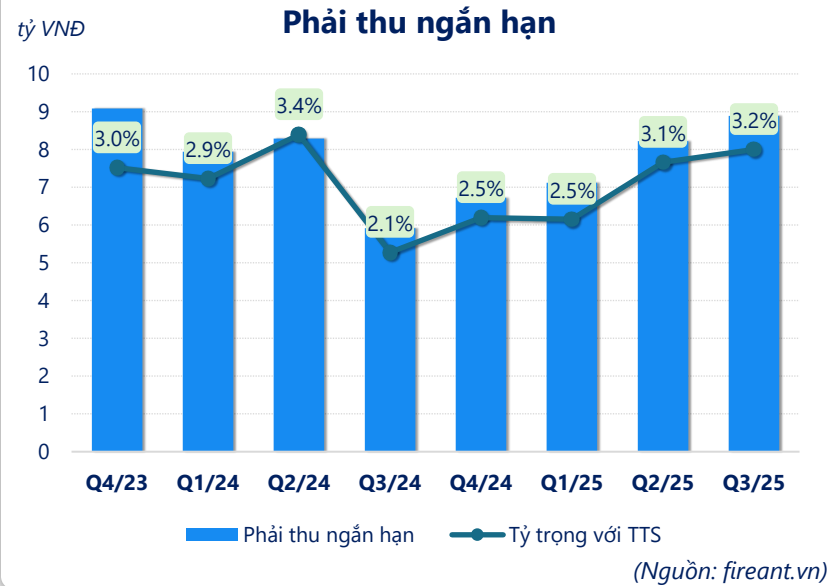
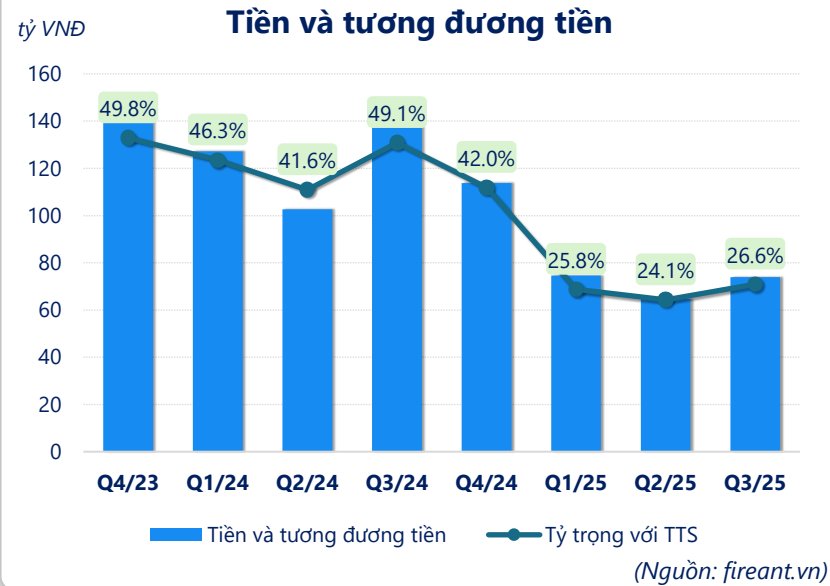
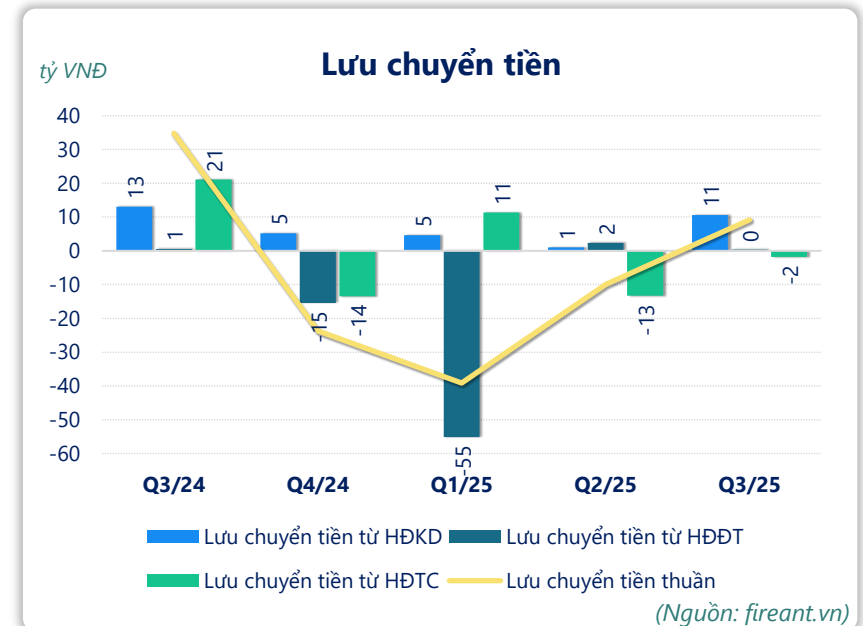
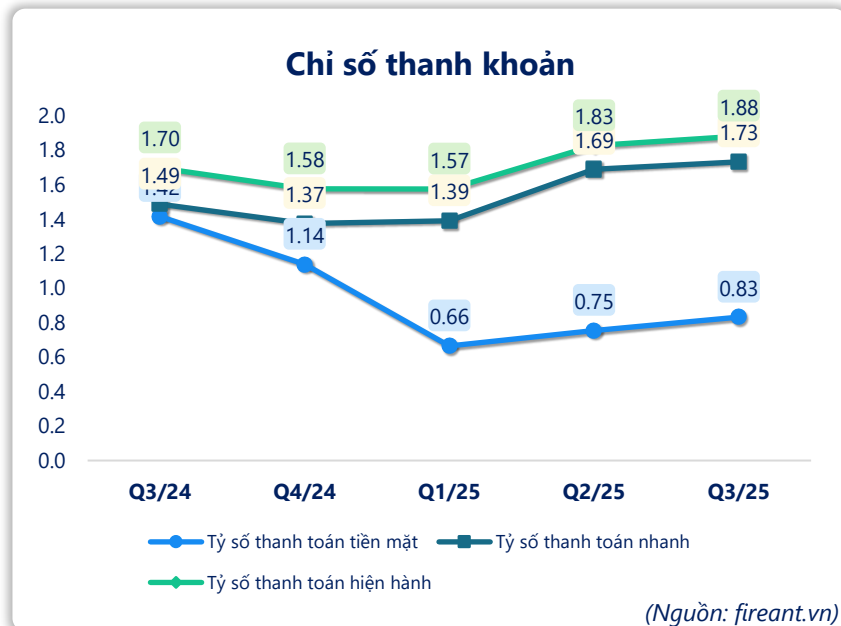
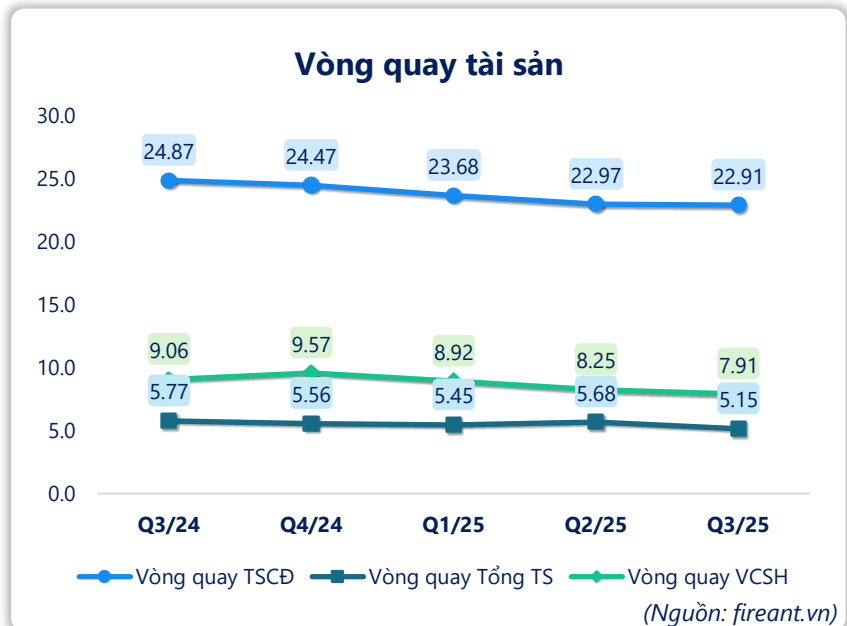
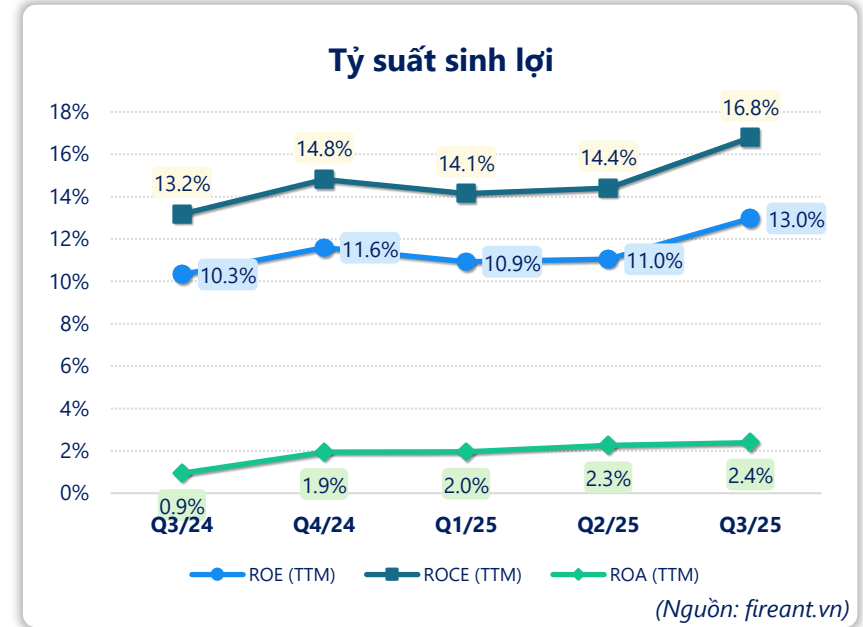
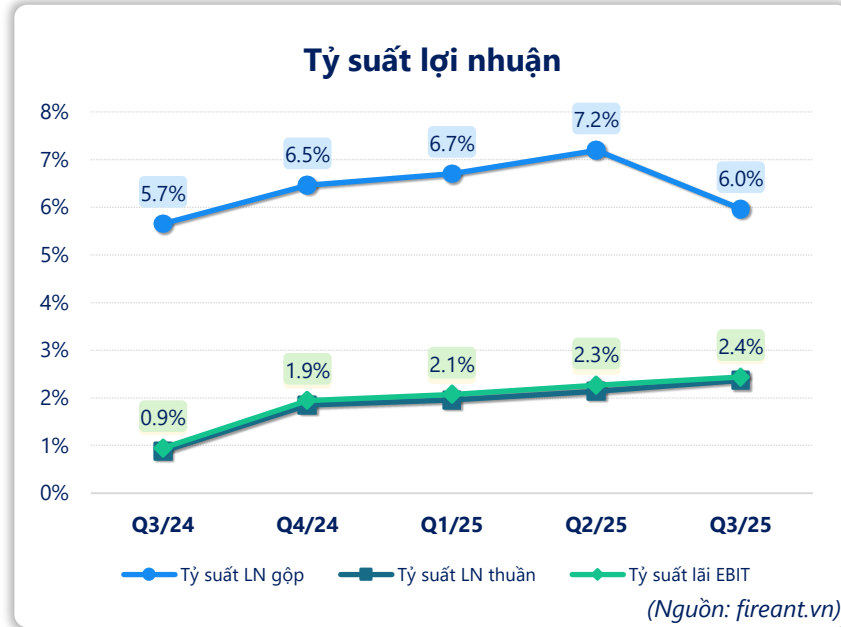
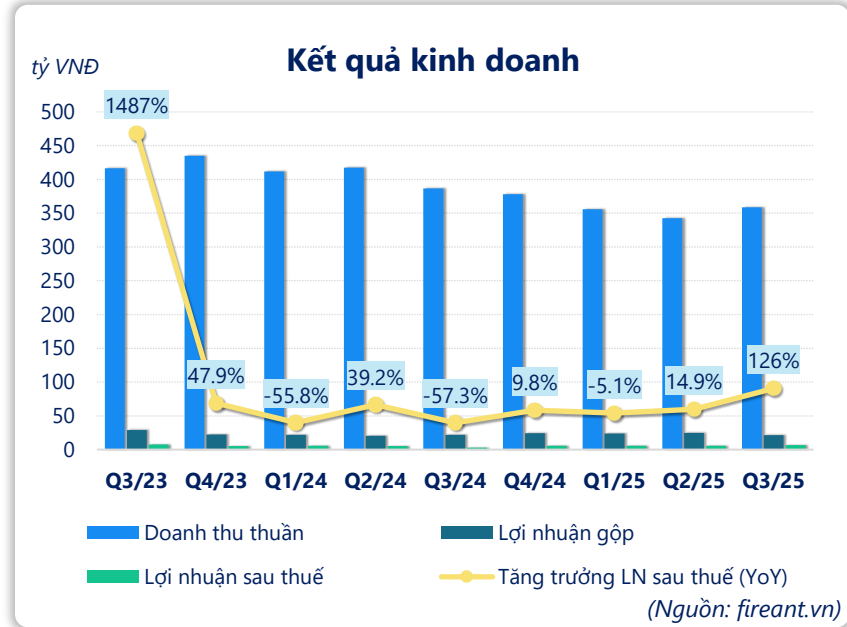


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,050
SL cổ phiếu LH		11,291,459
KLGD BQ 20 phiên (CP)		470
% sở hữu nước ngoài		0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		220
P/E		9.3
EPS		2,084

	YTD	1T	3T	6T
SFC	-7.2%	-4.7%	-8.0%	-23.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	278	271	2.5%
Tài sản ngắn hạn	167	158	6.3%
Tiền và tương đương tiền	73.9	114	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	16.1	334%
Phải thu ngắn hạn	8.89	6.72	32.3%
Hàng tồn kho	13.3	20.1	-33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.30	0.83	56.5%
Tài sản dài hạn	110	114	-2.8%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	60.5	63.7	-5.1%
Bất động sản đầu tư	33.8	34.7	-2.7%
Tài sản dở dang	0.92	0.92	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.43	6.39	0.6%
Tài sản dài hạn khác	8.79	7.82	12.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.4	104	-10.5%
Nợ ngắn hạn	88.9	100.0	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.9	35.1	-14.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.80	15.6	-56.3%
Nợ dài hạn	4.48	4.40	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	184	167	10.6%
Vốn chủ sở hữu	184	167	10.6%
Vốn điều lệ	113	113	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	386	378	356	343	359
Giá vốn hàng bán	365	354	332	318	337
Lợi nhuận gộp	21.9	24.4	23.9	24.6	21.4
Doanh thu HĐTC	0.99	1.33	1.38	1.73	1.51
Chi phí TC	0.27	0.34	0.39	0.42	0.23
Chi phí lãi vay	0.21	0.34	0.39	0.42	0.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	15.7	14.1	13.4	14.3	9.67
Chi phí QLDN	3.43	4.37	4.51	4.28	4.51
LN thuần từ HĐKD	3.41	7.01	6.96	7.33	8.49
Lợi nhuận khác	0.04	0.00	0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	3.45	7.01	6.97	7.34	8.49
Lợi nhuận sau thuế	2.70	5.55	5.52	5.81	6.66
LNST của CĐ cty mẹ	2.70	5.55	5.52	5.81	6.66

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.1	5.24	4.65	1.05	10.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.59	-15.5	-55.2	2.33	0.37
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.1	-13.5	11.4	-13.3	-1.78
Tiền đầu kỳ	103	138	114	74.6	64.7
Lưu chuyển tiền thuần	34.8	-23.7	-39.1	-9.94	9.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	138	114	74.6	64.7	73.9

(Nguồn: fireant.vn)